

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 04 - 02 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Trụ sở: Số 130 Phan Đăng L, quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh A

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc V, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh A

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 7 năm 2020)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh năm 1979

Cư trú: Số 9 đường C, Tổ 53, khóm Đông Th 4, phường Mỹ P, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thanh Th1 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Nguyễn Quốc V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh A và bà Nguyễn Thị Thanh Th1 có ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00873260/0164435501T18012 để cho bà Th1 được vay tín chấp:

- Số tiền vay 10.000.000 đồng,
- Thời hạn vay là 12 tháng, ngày vay là 24 tháng 4 năm 2018.
- Mục đích vay vốn của bà Th1 là để bổ sung vốn kinh doanh.
- Lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 12%/năm tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 22.15%/năm.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Nợ gốc và lãi vay được trả góp thành 12 kỳ.
- Hình thức bảo đảm nợ vay: Không có tài sản bảo đảm.

Sau khi vay vốn thì bà Th1 đã không thực hiện việc thanh toán nợ. Nhân viên của Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhắc nhở bà Th1 nhưng bà Th1 vẫn chưa thanh toán được khoản nợ theo cam kết.

Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th1 thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi vay cho Ngân hàng, cụ thể:

- Vốn gốc: 10.000.000 đồng
 - Lãi vay tạm tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2020 là: 3.475.170 đồng
- Tổng cộng: 13.475.170 đồng.

Và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến ngày thực tế thanh toán đầy đủ số nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th1: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngày 24 tháng 4 năm 2018, bà Th1 có ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, hình thức bảo đảm nợ vay: không có tài sản bảo đảm. Sau đó, bà Th1 vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th1 trả số tiền 14.720.232 đồng (vốn 10.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.200.000 đồng, lãi quá hạn 3.520.232 đồng tạm tính đến ngày 04 tháng 02 năm 2021) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng các bên đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi đã cho vay dưới hình thức vay tín chấp. Bị đơn vay vốn với mục đích bổ sung vốn kinh doanh nhưng không có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh A và bà Nguyễn Thị Thanh Th1 có xác lập Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00873260/0164435501T18012 ngày 24 tháng 4 năm 2018 để bà Th1 vay số vốn 10.000.000 đồng và không có thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 12%/năm tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 22.15%/năm, ngày cho vay là 24 tháng 4 năm 2018. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay, bà Th1 không thực hiện thanh toán nợ vốn, lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu trả số tiền vốn, lãi của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2] Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bà Th1 không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[3.3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tổng cộng: 14.720.232 đồng (tạm tính đến ngày 04 tháng 02 năm 2021), cụ thể:

- Tiền vốn còn nợ là 10.000.000 đồng,
- Tiền lãi trong hạn còn nợ là 1.200.000 đồng,
- Tiền lãi quá hạn còn nợ là 3.520.232 đồng.

[3.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh Th1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00873260/0164435501T18012 ngày 24 tháng 4 năm 2018 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Th1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng.

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bà Nguyễn Thị Thanh Th1

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh A đại diện) nhận số tiền (tạm tính đến ngày 04 tháng 02 năm 2021) tổng cộng là 14.720.232 đồng (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn hai trăm ba mươi hai đồng), cụ thể: Tiền vốn là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), tiền lãi quá hạn là 3.520.232 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00873260/0164435501T18012 ngày 24 tháng 4 năm 2018. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh A đại diện) được nhận lại 336.879 đồng (ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005536 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 phải chịu 736.000 đồng (bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang